

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

Số: 139/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

C, ngày 28 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Thư ký phiên họp: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Trương (Võ) Thị Ph, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Trương Thị H, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Trương Thị L, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bà Trương Thị N, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 29/5/2023 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Trương (Võ) Thị Ph trình bày như sau:

Cụ Trương Văn P sinh năm 1924, chết năm 2000 và cụ Võ Thị M, sinh năm 1924, chết năm 2022 chung sống với nhau từ năm 1955. Trong thời gian chung sống, cụ P và cụ M có 04 người con chung gồm: Trương Thị H, sinh năm 1955; Trương Thị L, sinh năm 1956; Trương (Võ) Thị Ph, sinh năm 1963 và Trương Thị N, sinh năm 1966.

Thời điểm cụ M sinh bà Ph là thời điểm cụ P trốn giặc nên trong giấy khai sinh của bà Ph để trống phần họ tên cha, chỉ có họ tên mẹ là Võ Thị M và họ của bà Ph là họ Võ theo họ của mẹ. Bà Ph không biết là tên giấy khai sinh của bà là mang họ mẹ, vì từ trước tới nay bà không sử dụng giấy khai sinh. Các giấy tờ nhân thân khác như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, căn cước công dân của bà Ph, từ trước đến nay, bà Ph đều khai theo họ cha là họ Trương. Bà Ph sinh sống chung nhà với cụ P và cụ M từ khi sinh ra cho đến khi lấy chồng thì mới ra ở riêng và đều sinh sống ở xã P, huyện C, tỉnh Long từ đó cho đến nay.

Nay, bà Trương (Võ) Thị Ph yêu cầu Tòa án xác định cụ Trương Văn P là cha ruột của bà Trương (Võ) Thị Ph để bà Ph làm thủ tục điều chỉnh giấy khai sinh của bà Ph.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H, bà Trương Thị L, bà Trương Thị N thống nhất trình bày trong Tờ tự khai như sau:

Ông bà nội và ông bà ngoại của các bà cùng ở Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An, đã mất từ lâu và các bà không biết.

Cha của các bà là cụ Trương Văn P, sinh năm 1924, chết năm 2000 ở Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An cưới mẹ của các bà là cụ Võ Thị M, sinh năm 1924, chết năm 2022 cùng địa chỉ trên.

Cha mẹ của các bà sinh sống với nhau và sinh ra 04 người con là: Trương Thị H, sinh năm 1955, ngụ thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Trương Thị L, sinh năm 1956, ngụ Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Trương Thị Phiên, sinh năm 1963, ngụ Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An và Trương Thị N, sinh năm 1966, ngụ Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác.

Thời điểm sinh bà Ph là thời điểm cha của các bà trốn giặc nên mẹ của các bà đi khai sinh cho bà Ph theo họ của mẹ là họ Võ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định bà Trương (Võ) Thị Ph, sinh năm 1963 là con ruột của cụ Trương Văn P và cụ Võ Thị M, nên yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Ph để bà Ph làm thủ tục điều chỉnh giấy khai sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn; Thẩm phán Chủ tọa phiên họp, thư ký phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ việc: Xét nội dung yêu cầu và các tình tiết của vụ việc nhận thấy:

Căn cứ quy định tại các Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 88, 90 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Ph, cụ thể:

- Xác nhận ông Trương Văn P, sinh năm 1924 chết năm 2000, nơi cư trú trước khi chết Ấp A, xã P, huyện C là cha của bà Trương Thị Ph.

- Về lệ phí sơ thẩm: bà Ph được miễn lệ phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

Yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Bà Trương (Võ) Thị Ph yêu cầu xác định cụ Trương Văn P là cha của bà Ph là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H, bà Trương Thị L, bà Trương Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, cụ Trương Văn P sinh năm 1924, chết năm 2000 và cụ Võ Thị M, sinh năm 1924, chết năm 2022 chung sống với nhau sinh ra 04 người con chung gồm: Trương Thị H, sinh năm 1955; Trương Thị L, sinh năm 1956; Trương (Võ) Thị Ph, sinh năm 1963 và Trương Thị N, sinh năm 1966. Theo trích lục khai sinh của bà Ph không thể hiện họ tên cha là cụ Trương Văn P mà chỉ có họ tên mẹ là cụ Võ Thị M. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận bà Ph là con ruột của cụ P và cụ M, là chị em ruột cùng cha cùng mẹ với bà Hen, bà Lên, bà Nữ. Do đó, việc bà Ph yêu cầu xác định cụ

Trương Văn P là cha của bà Ph là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của bà Ph và xác định cụ Trương Văn P là cha của bà Ph.

[4] Về lệ phí: bà Ph phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng bà Ph là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng lệ phí, lệ phí nên thuộc trường hợp miễn lệ phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, 90 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của cụ Trương (Võ) Thị Ph về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định cụ Trương Văn P, sinh năm 1924 chết năm 2000, nơi cư trú trước khi chết Ấp A, xã P, huyện C là cha của bà Trương (Võ) Thị Ph.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Trương (Võ) Thị Ph được miễn lệ phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Huỳnh Thủy Tiên